

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-6-2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Dũng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thom - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị An Thị T, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Xóm 10 (nay là thôn 5), xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam. Chỗ ở hiện nay: Cộng hòa Liên bang Đức. Người đại diện theo ủy quyền để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Chị T: Anh Nguyễn Đức H; địa chỉ: Tổ 2, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 10 (nay là thôn 5), xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt anh Hoàng Văn Đ; Chị An Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai, Chị An Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, chị ở Việt Nam một thời gian thì sang Cộng hòa liên bang Đức làm việc. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách, mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn.

Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Hoàng Văn Đ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Hoàng An Bảo C, sinh ngày 25/9/2010 và cháu Hoàng Việt L, sinh ngày 06/10/2014 hiện nay cháu L đang ở với anh Đ, cháu C đang ở với ông An Văn T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 là bố mẹ đẻ Chị T. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Hoàng An Bảo C, anh Hoàng Văn Đ nuôi cháu Hoàng Việt L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị và anh Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Đ không phải nộp.

Ngoài nội dung nêu trên, chị không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Anh Hoàng Văn Đ trình bày: Về điều kiện kết hôn đúng như Chị T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, năm 2018 Chị T đi nước ngoài, nay Chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét, giải quyết cho anh và Chị An Thị T được ly hôn.

Về con chung: Anh và Chị T có hai con chung là cháu Hoàng An Bảo C, sinh ngày 25/9/2010 và cháu Hoàng Việt L, sinh ngày 06/10/2014.

Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu Hoàng An Bảo C và cháu Hoàng Việt L vì Chị T đang ở nước ngoài không có điều kiện chăm sóc hai con, anh không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu Chị T không nhất trí để anh nuôi hai con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh nhất trí.

Ý kiến của ông An Văn T và bà Nguyễn Thị D là bố mẹ đẻ Chị An Thị T lưu tại hồ sơ: Chị T và anh Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam năm 2009. Sau khi kết hôn Chị T ở Việt Nam một thời gian thì sang Cộng hòa liên bang Đức làm việc còn anh Đ ở Việt Nam. Vợ chồng Chị T hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải. Trong quá trình chung sống Chị T và anh Đ có hai cháu là Hoàng An Bảo C 25/9/2010 và cháu Hoàng Việt L, sinh ngày 06/10/2014. Khi Chị T sang làm việc tại Cộng hòa liên bang Đức thì ông bà trực tiếp nuôi cháu Hoàng An Bảo C. Hiện tại, Chị T xin ly hôn với anh Hoàng Văn Đ và có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng An Bảo C. Vì vậy kính đề nghị Tòa án giao cháu Hoàng An Bảo C cho Chị T nuôi dưỡng và trong thời gian Chị T đang làm việc tại nước ngoài thì ông bà đại diện cho Chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bảo Chi, đến lúc Chị T về Việt Nam ông bà sẽ có nghĩa vụ bàn giao cháu bảo Chi cho mẹ cháu Chị An Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Chị T vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí yêu cầu của Chị T về việc xin ly hôn, nhưng anh không nhất trí giao cháu C cho Chị T nuôi dưỡng, anh đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 29, 37 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa Chị An Thị T và anh Hoàng Văn Đ; Giao cháu Hoàng An Bảo C cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Việt L cho anh Hoàng Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị An Thị T đang sống ở Cộng hòa liên bang Đức nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết đơn ly hôn của Chị T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Chị T thông qua Anh Nguyễn Đức H là đại diện theo ủy quyền của Chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị An Thị T và anh Hoàng Văn Đ đã có lời khai, đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và Chị T xin vắng mặt giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh Hoàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2009 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam. Điều đó phù hợp với bản sao Trích lục kết hôn của Chị T và anh Đ do UBND xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam cấp và Chị T giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, năm 2018 Chị T sang Cộng hòa liên bang Đức làm việc, vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng có khoảng cách, mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn.

Xét thấy Chị T và anh Đạt đều xác định tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, nên căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị T và anh Đ là phù hợp với quy định tại điều 56 và điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là cháu Hoàng An Bảo C, sinh ngày 25/9/2010 và cháu Hoàng Việt L, sinh ngày 06/10/2014 hiện nay cháu L đang ở với anh Đ, cháu Bảo Chi đang ở với ông An Văn T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 là bố mẹ đẻ Chị T.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của Chị T và anh Đ thấy: Việc Chị T nhận nuôi cháu C, anh Đ nhận nuôi cháu C và cháu L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên để tôn trọng nguyện vọng của cháu C

muốn ở với mẹ, cũng như căn cứ vào thu nhập kinh tế của anh Đ và Chị T, thì Chị T hiện đang lao động ở nước ngoài có điều kiện thu nhập ổn định hơn, về phía anh Đ tuy anh khai thu nhập hàng tháng 20.000.000 đồng nhưng không ổn định nhất là từ khi có dịch covid - 19 thu nhập càng giảm sút. Mặt khác từ khi anh chị ly thân đến nay anh chị đã phân chia việc nuôi con chung cháu C ở với Chị T và Chị T có nhờ bố mẹ đẻ chị là ông An Văn T và bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, hàng tháng chị vẫn gửi tiền về nuôi con; còn cháu Hoàng Việt L anh Đ nuôi dưỡng và anh nhờ bố, mẹ đẻ nuôi dưỡng, hàng tháng anh Đ làm ở Hà Nội về thăm các cháu. Để tạo điều kiện cho anh, chị làm ăn cũng như việc chăm sóc, chỗ ăn, chỗ ở, chỗ học đã được ổn định của các cháu, cần giao cho anh, chị mỗi người nuôi một cháu và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị T và anh Đ đều xác định anh chị không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị An Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị An Thị T và anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Bảo C cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian Chị T đang làm việc tại nước ngoài thì giao cháu Bảo C cho ông An Văn T và bà Nguyễn Thị D là bố mẹ đẻ Chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bảo C, đến lúc Chị T về Việt Nam ông bà sẽ có nghĩa vụ bàn giao cháu Bảo C cho mẹ cháu Chị An Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con chung cháu Hoàng Việt L, sinh ngày 06/10/2014 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị An Thị T phải nộp 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005740 ngày 27/4/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Báo cho anh Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Hà